TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚC THỌ, TP HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 11 - 2019
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Duy Chinh.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Chiểu.
2. Bà Kiều Thị Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Khuất Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1988. HKTT: Cụm 3, xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Đội 9, thôn C, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương "Có mặt".

2. Bị đơn: Anh Doãn Văn T1, sinh năm 1987. Địa chỉ: Cụm 3, xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn là chị Phạm Thị T trình bày như sau: Chị và anh Doãn Văn T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội vào ngày 28 tháng 5 năm 2010. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một thời gian dài, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2016 đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1. Về con chung, vợ chồng có hai con chung là cháu Doãn Gia B, sinh ngày 27/6/2011 và cháu Doãn Thành C, sinh ngày 16/02/2016; hiện nay hai cháu đang ở với chị, khi ly hôn thì chị xin nuôi con chung và yêu cầu anh T1 cấp dưỡng

nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ: Không có.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh T1 đến Tòa để giải quyết nhưng anh T1 không có mặt, anh T1 cũng không có ý kiến gì về việc chị T có đơn xin ly hôn.

Qua xác minh, Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội cung cấp như sau: Anh T1 và chị T có hộ khẩu thường trú tại địa phương, trong cuộc sống thì anh chị có mâu thuẫn hay không mâu thuẫn thì địa phương cũng không nắm được. Nay chị T xin ly hôn với anh T1, quan điểm của địa phương là đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên toà hôm nay, chị T cho rằng nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do anh T1 thỉnh thoảng sử dụng ma túy nên cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng đã phải sống ly thân, không còn tình cảm với nhau nữa. Chị xin nuôi hai con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Kiểm sát viên phát biểu như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã tiến hành theo đúng trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T và xử cho chị T được ly hôn với anh Doãn Văn T1. Về con chung: Đề nghị giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng. Tài sản chung, công nợ chung: Không có. Về án phí: Đề nghị buộc chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Phạm Thị T và anh Doãn Văn T1 sinh sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã V, huyện P, Thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, chị T cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên không thể sống chung với nhau được nữa. Nay chị T khởi kiện xin ly hôn với anh T1, Tòa án thụ lý yêu cầu của chị T là đúng trình tự theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành theo đúng trình tự và quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa ngày 14/10/2019 anh T1 vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử. Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa đã được niêm yết hợp lệ đối với anh T1. Tại phiên tòa hôm nay, anh T1 vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án là đúng trình tự theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Chị Phạm Thị T cho rằng trong thời gian sống chung với nhau thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người đều bất đồng quan điểm. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hai người đã ly thân từ tháng 10/2016 đến nay, nên xin được ly hôn. Xét thấy vợ chồng có mâu thuẫn, đã sống ly thân, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Tòa án chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phạm Thị T.

[3]. Về con chung: Có hai con chung là cháu Doãn Gia B, sinh ngày 27/6/2011 và cháu Doãn Thành C, sinh ngày 16/02/2016; hiện nay hai cháu đang ở với chị T. Chị T xin nuôi con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung, cháu Bảo thì xin được ở với mẹ. Xét thấy anh T1 thường xuyên đi vắng, lại sống xa các con nên không chăm sóc con chung được, vì vậy giao cháu B, cháu C cho chị T nuôi dưỡng là hợp lý. Chị T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T1.

[4]. Về tài sản chung: Không có.

[5]. Về nợ chung: Không có.

[6]. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T:

Chị Phạm Thị T được ly hôn anh Doãn Văn T1.

Về con chung: Giao cháu Doãn Gia B, sinh ngày 27/6/2011 và cháu Doãn Thành C, sinh ngày 16/02/2016 cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T1 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0005828 ngày 14/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

Chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Anh Doãn Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui

định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện PT;
- UBND xã Vân Phúc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kiều Duy Chinh